

Số: 51 /QĐ-HĐQT

Vinh, ngày 20 tháng 7 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CAO SU NGHỆ AN**

Căn cứ luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ điều lệ hoạt động và Quy chế quản lý của Công ty cổ phần đầu tư phát triển cao su nghệ An;

Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động tiền lương;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thì việc phân phối tiền lương thuộc thẩm quyền của công ty;

Căn cứ Thông tư 19/2013/TT-BLĐTTBXH, ngày 9/9/2013 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với TVHĐTV, Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTTBXH, ngày 22/4/2015 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Công văn 3063/CSVN-LĐTL ngày 11/11/2015 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam về việc xây dựng và ban hành tạm thời hệ thống thang, bảng lương; chuyển xếp lương theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTTBXH;

Căn cứ công văn số 833/HĐTVCSVN-LĐTL ngày 31/12/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn công nghiệp về việc cho ý kiến thỏa thuận cao su Việt Nam về việc cho ý kiến thỏa thuận về xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương;

Xét ý kiến đề nghị của Tổng giám đốc Công ty tại Tờ trình số 100/TTr-RBN ngày 01 tháng 3 năm 2016 về việc xin phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP,

## QUYẾT ĐỊNH:

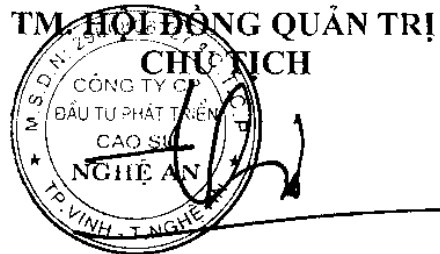
**Điều 1.** Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP của Chính phủ (Chi tiết nội dung hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới được kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Hệ thống thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương và phương án chuyển xếp lương mới theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP được áp dụng để chuyển xếp lương và tính các khoản đóng bảo hiểm cho người lao động trong Công ty cổ phần đầu tư phát triển cao su Nghệ An kể từ ngày 01/01/2016.

**Điều 3.** Các Ông Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, Ban công ty, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP HĐQT.



**Phạm Trung Thái**

**HỆ THỐNG THANG BẢNG LƯƠNG VÙNG III (áp dụng từ ngày 01/01/2016)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HDQT ngày 30/3/2016 của Hội đồng quản trị)

ĐVT: 1.000 đồng

Chức danh	Bậc											
	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
<b>A. Thang, bảng lương công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất, kinh doanh</b>												
<b>A2. Bảng lương công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất, kinh doanh</b>												
1. Công nhân lái xe con												
- Hệ số cũ ND 205	2,18	2,57	3,05	3,60								
Mức lương cũ ND 205	2.507,00	2.955,50	3.507,50	4.140,00								
- Hệ số mới ND 49	1,27	1,34	1,47	1,74								
Mức lương mới ND 49	3.429,00	3.618,00	3.969,00	4.698,00								
2. Bảo vệ cơ quan												
- Hệ số cũ ND 205	1,65	1,99	2,40	2,72	3,09							
Mức lương cũ ND 205	1.897,50	2.288,50	2.760,00	3.128,00	3.553,50							
- Hệ số mới ND 49	1,10	1,16	1,22	1,31	1,48							
Mức lương mới ND 49	2.970,00	3.132,00	3.294,00	3.537,00	3.996,00							
<b>B. Bảng lương viên chức chuyên môn, thừa hành nghiệp vụ</b>												
1. Nhân viên phục vụ, cấp dưỡng												
- Hệ số cũ ND 205	1,00	1,18	1,36	1,54	1,72	1,90	2,08	2,26	2,44	2,62	2,80	2,98
Mức lương cũ ND 205	1.150,00	1.357,00	1.564,00	1.771,00	1.978,00	2.185,00	2.392,00	2.599,00	2.806,00	3.013,00	3.220,00	3.427,00
- Hệ số mới ND 49	1,00	1,07	1,13	1,19	1,28	1,45						
Mức lương mới ND 49	2.700,00	2.889,00	3.051,00	3.213,00	3.456,00	3.915,00						
2. Nhân viên văn thư - lưu trữ, thủ quỹ; y tá												
- Hệ số cũ ND 205	1,35	1,53	1,71	1,89	2,07	2,25	2,43	2,61	2,79	2,97	3,15	3,33
Mức lương cũ ND 205	1.552,50	1.759,50	1.966,50	2.173,50	2.380,50	2.587,50	2.794,50	3.001,50	3.208,50	3.415,50	3.622,50	3.829,50
- Hệ số mới ND 49	1,17	1,23	1,30	1,37	1,44	1,60						
Mức lương mới ND 49	3.159,00	3.321,00	3.510,00	3.699,00	3.888,00	4.320,00						
3. Cán sự, KTV;												
- Hệ số cũ ND 205	1,80	1,99	2,18	2,37	2,56	2,75	2,94	3,13	3,32	3,51	3,70	3,89
Mức lương cũ ND 205	2.070,00	2.288,50	2.507,00	2.725,50	2.944,00	3.162,50	3.381,00	3.599,50	3.818,00	4.036,50	4.255,00	4.473,50
- Hệ số mới ND 49	1,36	1,43	1,51	1,59	1,69	1,88						
Mức lương mới ND 49	3.672,00	3.861,00	4.077,00	4.293,00	4.563,00	5.076,00						
4. Chuyên viên, kinh tế viên, kỹ sư:												
- Hệ số cũ ND 205	2,34	2,65	2,96	3,27	3,58	3,89	4,20	4,51				
Mức lương cũ ND 205	2.691,00	3.047,50	3.404,00	3.760,50	4.117,00	4.473,50	4.830,00	5.186,50				

Chức danh	Bậc											
	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
- Hệ số mới ND 49	1,50	1,58	1,87	2,16								
Mức lương mới ND 49	4.050,00	4.266,00	5.049,00	5.832,00								
5. Chuyên viên chính, kinh tế viên chính, kỹ sư chính,												
- Hệ số cũ ND 205	4,00	4,33	4,66	4,99	5,32	5,65						
Mức lương cũ ND 205	4.600,00	4.979,50	5.359,00	5.738,50	6.118,00	6.497,50						
- Hệ số mới ND 49	2,24	2,36	2,48									
Mức lương mới ND 49	6.048,00	6.372,00	6.696,00									
<b>C. Bảng lương người quản lý (C)</b>												
1. Tổng Giám đốc												
- Hệ số cũ ND 51	5,32	5,65										
Mức lương cũ ND 51	6.118,00	6.497,50										
- Hệ số mới theo ND 49	3,43	3,67										
Mức lương mới ND 49	9.261,00	9.909,00										
2. Phó tổng Giám đốc												
- Hệ số cũ ND 51	4,66	4,99										
Mức lương cũ ND 51	5.359,00	5.738,50										
- Hệ số mới ND 49	3,00	3,21										
Mức lương mới ND 49	8.100,00	8.667,00										
3. Kế toán trưởng												
- Hệ số cũ ND 51	4,33	4,66										
Mức lương cũ ND 51	4.979,50	5.359,00										
- Hệ số mới ND 49	2,80	3,00										
Mức lương mới ND 49	7.560,00	8.100,00										
4. Trưởng phòng và tương đương												
- Hệ số mới ND 49	2,41	2,58										
Mức lương mới ND 49	6.507,00	6.966,00										
5. Phó phòng và tương đương												
- Hệ số mới ND 49	2,07	2,22										
Mức lương mới ND 49	5.589,00	5.994,00										

**Ghi chú:**

- Mức lương cơ sở 2015 **1.150**
- Mức lương vùng III 2016: **2.700**





Chức danh	Bậc											
	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10	Bậc 11	Bậc 12
5. Chuyên viên chính, kinh tế viên chính, kỹ sư chính												
- Hệ số cũ ND 205	4,00	4,33	4,66	4,99	5,32	5,65						
Mức lương cũ ND 205	4.600,00	4.979,50	5.359,00	5.738,50	6.118,00	6.497,50						
- Hệ số mới ND 49	2,24	2,36	2,48									
Mức lương mới ND 49	5.376,00	5.664,00	5.952,00									
<b>C. Bảng lương người quản lý (C)</b>												
1. Giám đốc trung tâm KS&QH, Giám đốc Nông trường và tương đương												
- Hệ số mới ND 49	2,41	2,58										
Mức lương mới ND 49	5.784,00	6.192,00										
2. Phó giám đốc nông trường và tương đương												
- Hệ số mới ND 49	2,07	2,22										
Mức lương mới ND 49	4.968,00	5.328,00										

**Ghi chú:**

- Mức lương cơ sở 2015: 1.150

- Mức lương vùng IV 2016: 2.400



## CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP LƯƠNG

*Đã ban hành kèm theo Quyết định số: 51/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2016 của Hội đồng quản trị)*

### 1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

- Đối với Trưởng Phòng, Giám đốc Nông trường, Giám đốc Trung tâm Khảo sát & Quy hoạch: hệ số 0,3 x mức lương tối thiểu vùng.

- Đối với Phó Phòng, Phó giám đốc Nông trường, phó Giám đốc Trung tâm Khảo sát & Quy hoạch: hệ số 0,25 x mức lương tối thiểu vùng.

### 2. Chế độ phụ cấp trách nhiệm:

- Đối với Đội trưởng và các chức danh tương đương: hệ số 0,15 x mức lương tối thiểu vùng.

- Đối với đội phó và các chức danh tương đương: hệ số 0,10 x mức lương tối thiểu vùng.





## PHƯƠNG ÁN CHUYỂN XẾP LƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 51 /QĐ-HĐQT ngày 30 / 5 / 2016 của Hội đồng quản trị)

### 1. Nguyên tắc chuyển xếp lương:

Việc chuyển xếp lương từ thang lương, bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP sang thang lương, bảng lương mới phải căn cứ vào chức danh, công việc người lao động đang đảm nhiệm.

Đối với người có thành tích, cống hiến, đóng góp nhiều cho Công ty khi chuyển xếp lương nếu có vướng mắc thì xem xét, xử lý riêng từng trường hợp cụ thể.

- **Thang lương lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh (A1):** Người lao động đang hưởng lương ở ngạch, bậc nào của thang lương trực tiếp SXKD theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP; thì chuyển xếp sang ngạch, bậc tương ứng của thang lương trực tiếp SXKD mới;

- **Bảng lương của lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh (A2):** Người lao động đang hưởng lương ở ngạch, bậc nào của Bảng lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP, thì chuyển xếp sang ngạch, bậc tương ứng của Bảng lương mới.

- **Bảng lương chuyên môn thừa hành phục vụ (B):** Số bậc rút ngắn còn 50% so với Nghị định 205/2004/NĐ-CP, nên chuyển xếp bậc cũ sang bậc mới theo nguyên tắc sau: cứ 02 bậc cũ liền kề sẽ được dồn xếp vào một bậc mới, cho đến khi hết bậc (Bậc 1 và 2 cũ dồn vào bậc 1 mới, bậc 3 và 4 dồn vào bậc 2 mới, ...)

- **Bảng lương người quản lý (C):** Người lao động đang hưởng lương ở ngạch, bậc nào thì chuyển xếp sang ngạch, bậc tương ứng của bảng lương mới;

Việc chuyển xếp cho từng chức danh phải căn cứ vào trình độ, bằng cấp phù hợp với ngành nghề được bố trí .

**2. Thời gian nâng bậc lương lần đầu tiên sau khi chuyển xếp:** đối với người lao động: được căn cứ vào thâm niên giữ bậc lương Nghị định 205/2004/NĐ-CP (đối với các trường hợp nâng lương định kỳ theo thâm niên đối với hệ thống bảng lương hoặc các trường hợp xét nâng bậc lương mà không phải trải qua kỳ thi nâng bậc thợ

đôi với hệ thống thang lương).

a) Nếu mức lương bậc mới thấp hơn mức lương bậc cũ theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP, thì tính cộng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng mức lương bậc cũ. Thời gian nâng bậc lương lần đầu tiên được tính từ khi có quyết định xếp lương cũ Nghị định 205/2004/NĐ-CP.

b) Nếu mức lương bậc mới cao hơn mức lương bậc cũ theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP (mức chênh lệch cao hơn này, sau đây gọi là **X**), thì vẫn xếp mức lương bậc mới; mốc thời gian để xét nâng lương được tính từ khi có quyết định xếp lương cũ Nghị định 205/2004/NĐ-CP và thời gian xét nâng lương lần sau, được quy định:

- Nếu  $X > 100\%$ , thời gian nâng bậc lương lần đầu tiên tăng gấp đôi thời gian so với quy định tại Nghị định 205/2004/NĐ-CP (**06 năm đối với ngạch chuyên viên trở lên; 04 năm đối với ngạch cán sự trở xuống**).

- Nếu  $80\% < X < 100\%$ , thời gian nâng bậc lương lần sau tăng thêm  $\frac{3}{4}$  thời gian so với quy định Nghị định 205/2004/NĐ-CP (**5,25 năm đối với ngạch chuyên viên trở lên; 3,5 năm đối với ngạch cán sự trở xuống**).

- Nếu  $50\% < X < 80\%$ , thời gian nâng bậc lương lần sau tăng thêm  $\frac{1}{2}$  thời gian so với quy định Nghị định 204/2005/NĐ-CP (**4,5 năm đối với ngạch chuyên viên trở lên; 3 năm đối với ngạch cán sự trở xuống**).

- Nếu  $30\% < X < 50\%$ , thời gian nâng bậc lương đầu tiên tăng thêm  $\frac{1}{3}$  thời gian so với quy định của Nghị định 204/2005/NĐ-CP (**4,0 năm đối với ngạch chuyên viên trở lên; 2,66 năm đối với ngạch cán sự trở xuống**).

### **3. Thời gian nâng bậc lương lần 02 sau khi chuyển xếp:**

a) *Đối với thang, bảng lương công nhân trực tiếp:*

- Đối với thang lương lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh (A1) và bảng lương của lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh (A2): thời gian nâng bậc 02 năm/lần (Áp dụng theo Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ).

b- *Đối với bảng lương chuyên môn, thừa hành, nghiệp vụ (B):* do rút ngắn số bậc nên quy định thời gian nâng bậc tăng dần theo thâm niên giữ bậc như sau:

- Ngạch cán sự trở xuống:

- + Thời gian giữ bậc 1: 04 năm
- + Thời gian giữ bậc 2: 04 năm
- + Thời gian giữ bậc 3: 04 năm
- + Thời gian giữ bậc 4: 04 năm
- + Thời gian giữ bậc 5: 04 năm
- + Thời gian giữ bậc 6: 04 năm

- Ngạch chuyên viên trở lên:

- + Thời gian giữ bậc 1: 06 năm
- + Thời gian giữ bậc 2: 06 năm
- + Thời gian giữ bậc 3: 06 năm
- + Thời gian giữ bậc 4: 06 năm

c) Bảng lương người quản lý (C):

- + Thời gian giữ bậc 1: 05 năm
- + Thời gian giữ bậc 2: 05 năm

- Đối với ngạch lương đã hết bậc, thì được xem xét cộng thêm phụ cấp thâm niên vượt khung, 02 năm tăng thêm 1% so với lương đang hưởng (tối đa 05%).